

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 661/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

Về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị quyết của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 2 về dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 1998 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính;

QUYẾT ĐỊNH:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO DỰ ÁN

Điều 1. Mục tiêu

- Trồng mới 5 triệu ha rừng cùng với bảo vệ diện tích rừng hiện có, để tăng độ che phủ của rừng lên 43%, góp phần đảm bảo an ninh môi trường, giảm nhẹ thiên tai, tăng khả năng sinh thủy, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học.
- Sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống, đồi núi trọc, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, tăng thu nhập cho dân cư sống ở nông thôn miền núi, ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, nhất là ở vùng biên giới.
- Cung cấp gỗ làm nguyên liệu để sản xuất giấy, ván nhân tạo, đáp ứng nhu cầu gỗ, củi và các lâm đặc sản khác cho tiêu dùng trong nước và sản xuất hàng xuất khẩu, cùng với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, đưa lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

Điều 2. Nguyên tắc chỉ đạo

- Nhân dân là lực lượng chủ yếu trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và hưởng lợi ích từ nghề rừng. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi; tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; có các chính sách khuyến khích người làm nghề rừng; hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách hoặc vốn tín dụng ưu đãi; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ diện tích rừng hiện có với nhiệm vụ định canh, định cư, xoá đói, giảm nghèo.

3. Phát huy hiệu quả tổng hợp các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường của rừng bằng một hệ thống nông lâm kết hợp bền vững với cơ cấu cây trồng hợp lý, đa tác dụng, áp dụng công nghệ thâm canh gắn với công nghiệp chế biến tiên tiến.

4. Phân bổ hợp lý nhiệm vụ trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất giữa các vùng, nhưng phải tập trung cho các khu vực ưu tiên, kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán.

- Với rừng phòng hộ, ưu tiên đầu tư cho vùng phòng hộ xung yếu trọng điểm, đầu nguồn các dòng sông, các hồ chứa nước, đặc biệt là đầu nguồn các công trình thuỷ điện, các thành phố, các vùng phòng hộ ven biển và những vùng có nhu cầu cấp bách về phục hồi nhu cầu sinh thái.

- Với rừng sản xuất, phải ưu tiên phát triển các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời có tác dụng phòng hộ môi trường cả cho trước mắt và lâu dài.

5. Việc trồng rừng trong từng giai đoạn được tổ chức thực hiện thông qua các dự án được xây dựng từ cơ sở, có sự tham gia của dân và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành, phải thực hiện khẩn trương, nhưng vững chắc, bảo đảm tiến độ và hiệu quả của từng dự án.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Bảo vệ có hiệu quả vốn rừng hiện có, trước hết phải bảo vệ diện tích rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu, kể cả rừng phòng hộ đã trồng theo Chương trình 327, rừng sản xuất có trữ lượng giàu và trung bình. Thực hiện ngay từ giai đoạn đầu việc giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gắn với định canh, định cư, xoá đói giảm nghèo để bảo vệ, khoanh nuôi rừng kết hợp trồng bổ sung và trồng mới.

2. Trồng rừng:

a. Trồng 2 triệu ha rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: khoanh nuôi tái sinh kết hợp bổ sung 1 triệu ha, trồng mới 1 triệu ha gắn với định canh, định cư.

b. Trồng 3 triệu ha rừng sản xuất: rừng nguyên liệu công nghiệp giấy, ván nhân tạo, gỗ trụ mỏ, cây đặc sản, rừng gỗ quý hiếm... khoảng 2 triệu ha; cây công nghiệp lâu năm và cây lấy quả khoảng 1 triệu ha; đồng thời huy động các tổ chức và nhân dân triệt để tận dụng diện tích đất trống để trồng cây phân tán.

Dự án trồng rừng của từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1998-2000: trồng mới 700.000 ha (trong đó 260.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng), khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung 350.000 ha.

- Giai đoạn 2001-2005: trồng mới 1,3 triệu ha (trong đó 350.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng), khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung 650.000 ha;

- Giai đoạn 2006-2010: trồng mới 2 triệu ha (trong đó 390.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng).

II. CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

Điều 4. Cơ cấu cây trồng

Cây trồng trong dự án này bao gồm các loại cây lâm nghiệp và cây nông nghiệp lâu năm có tán che phủ, có tác dụng phòng hộ như cây rừng. Để nâng cao hiệu quả về bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, gắn với yêu cầu đa dạng về sinh học và hiệu quả về kinh tế - xã hội, cơ cấu cây trồng được định hướng như sau:

1. Rừng đặc dụng:

Căn cứ vào yêu cầu phục hồi sinh thái của từng loại rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng đặc dụng lựa chọn cơ cấu cây trồng cụ thể phù hợp với hệ sinh thái của vùng được Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2. Rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu:

Tuỳ yêu cầu phòng hộ của từng vùng, tuỳ khí hậu đất đai chọn lựa các loại cây trồng có tác dụng phòng hộ tốt, trồng hỗn loài, chịu đựng được khí hậu khắc nghiệt, chịu đất xấu, đất dốc và đất ven biển, có khả năng chống chịu sâu bệnh và chống cháy tốt, ở nơi có điều kiện phù hợp trồng được các loại cây có giá trị kinh tế thì được khuyến khích. Cơ cấu loại cây cụ thể do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

3. Rừng sản xuất và rừng phòng hộ ở vùng ít xung yếu:

Chọn lựa các loại cây có giá trị kinh tế cao (kể cả cây công nghiệp lâu năm, cây lấy quả, các loại cây đặc sản, cây làm thuốc... có tán che tốt). Cơ cấu về từng loại cây cụ thể do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để trồng rừng quyết định theo quy hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, từng bước hình thành những vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, vừa phù hợp với điều kiện lập địa, vừa phải gắn với phát triển công nghiệp chế biến và nhu cầu của thị trường.

Điều 5. Chính sách về đất đai

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dưới sự chỉ đạo của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Địa chính có trách nhiệm rà soát lại quỹ đất lâm, nông nghiệp xây dựng quy hoạch sử dụng đất trồng, đồi núi trọc cho dự án trồng 5 triệu ha rừng ở tỉnh, huyện, xã; xác định cụ thể rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu, xung yếu, ít xung yếu và rừng sản xuất theo quy chế của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn; chỉ đạo việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ.

1. Giao đất lâm nghiệp gắn với giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

a. Giao đất lâm nghiệp gắn với giao rừng được quy hoạch xây dựng rừng đặc dụng cho các Ban quản lý rừng đặc dụng để bảo vệ và xây dựng theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Giao đất được quy hoạch để trồng rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu cho các Ban quản lý rừng phòng hộ. Ban quản lý rừng phòng hộ giao khoán đất cho các tổ chức (kể cả lâm trường), hộ gia đình và cá nhân để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

c. Giao đất và cho thuê đất được quy hoạch xây dựng rừng phòng hộ ở khu vực ít xung yếu để bảo vệ và trồng cây lâm, nông kết hợp với mục đích sản xuất lâm, nông sản là chính, có kết hợp làm chức năng phòng hộ theo phương thức giao, cho thuê như đối với rừng sản xuất.

2. Giao đất cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy hoạch để trồng rừng sản xuất cho các tổ chức thuộc các thành phần kinh tế, hộ gia đình và cá nhân.

a. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ liên quan rà soát lại quỹ đất lâm, nông nghiệp đã giao cho các lâm, nông trường trước đây, đồng thời kết hợp với việc sắp xếp, tổ chức lại hoạt động của các lâm, nông trường quốc doanh để xác định mức diện tích và ranh giới đất giao cho các lâm, nông trường. Phần diện tích đất lâm nghiệp còn lại phải tiến hành giao xong trước năm 2000 cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để trồng rừng.

b. Giao đất và cho thuê đất trồng, đồi núi trọc cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để trồng rừng. Ưu tiên giao đất cho các hộ gia đình sống tại địa phương.

3. Hạn mức và thời hạn giao đất, cho thuê đất được quy định như sau:

a. Hạn mức giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức căn cứ vào dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hạn mức giao đất, giao rừng cho hộ gia đình và cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

b. Thời hạn giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức và giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân là 50 năm. Khi hết thời hạn quy định trên, nếu tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vẫn có nhu cầu và sử dụng đúng mục đích thì được Nhà nước giao hoặc cho thuê thời hạn tiếp theo. Nếu trồng các loại cây có chu kỳ trên 50 năm thì sau 50 năm được nhà nước giao hoặc cho thuê tiếp đến khi thu hoạch.

4. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân ngay sau khi được giao đất và cho thuê đất. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất phải sử dụng đúng mục đích và trồng rừng theo tiến độ của dự án được duyệt.

Điều 6. Chính sách đầu tư và tín dụng.

1. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước:

a. Tiếp tục thực hiện chính sách bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu trên diện tích khoảng 2 triệu ha đã thực hiện theo Chương trình 327 với mức được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không quá 50.000 đồng/1ha/năm, thời hạn không quá 5 năm.

Khoán khoán nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung không quá 1 triệu đồng/ha, thời hạn khoán 6 năm. Tỷ lệ vốn được phân bổ hàng năm theo quy trình khoán nuôi tái sinh rừng kết hợp trồng bổ sung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

b. Trồng rừng phòng hộ ở vùng rất xung yếu và xung yếu với mức đầu tư trực tiếp đến người trồng rừng, bình quân là 2,5 triệu đồng/ha, gồm trồng mới và chăm sóc theo quy trình kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo các địa phương tổ chức thí điểm đấu thầu cho các tổ chức kinh tế, kể cả lực lượng thanh niên xung phong để bảo vệ, khoán nuôi tái sinh và trồng rừng ở những nơi không có điều kiện giao khoán cho hộ gia đình.